

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Công Định, ông Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 280/2021/HNGĐ-ST ngày 10/12/2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Đào Thị H** – Sinh năm 1990

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 8, thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Số nhà ... phố thứ ba V..., Tr... thành phố Đ Đài Loan (Trung Quốc). Hộ chiếu số B88..., do Cục quản lý nhập cảnh cấp ngày 13/3/2014. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đức P – Luật sư Công ty Luật TNHH T – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: số 2, ngõ 2..., đường C..., phường T..., quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Điền D** - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Đội 8, thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Lê Thị S – Sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Bà **Trần Thị M** – Sinh năm 1952. Địa chỉ thôn P, xã S, huyện K, tỉnh

Hung Yên. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Điền D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2009 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở gia đình anh D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh D thường chơi bời, cờ bạc mặc dù chị đã khuyên nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2013 anh D phải chấp hành án phạt tù về tội Đánh bạc, thời gian đó chị cũng về quê Hưng Yên sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2013 và đến ngày 17/6/2014 chị đi nước ngoài lao động cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Hoàng Thái B – Sinh ngày 10/01/2010 và Hoàng Thái K – Sinh ngày 22/6/2012 hiện đang ở bà ngoại là Trần Thị M ở thôn P, xã S, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nay ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con. Chị ủy quyền cho bà M nuôi cháu trong thời gian chị ở nước ngoài.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Hoàng Điền D trình bày: Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, các con chung như chị H trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung anh đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Huyền phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay anh đang làm trang trại chăn nuôi, buôn bán gia cầm tại thôn Đ, xã Đình D, huyện V, tỉnh Hưng Yên, thu nhập trung bình khoảng 20.000.000đ/tháng nên anh có đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Trần Thị M trình bày: Bà là mẹ của chị H, từ năm 2013 chị H và các con về sinh sống ở gia đình bà. Năm 2014 chị H đi lao động ở nước ngoài, nên năm 2015 anh D đón hai con chung về C, Hải Dương sinh sống. Đến năm 2018 bà M lại đón hai cháu về Hưng Yên sinh sống và học tập cho đến nay. Thỉnh thoảng anh D cũng đến thăm con và gửi tiền cho bà nuôi dưỡng các cháu. Bản thân chị H cũng thường gửi tiền về cho bà nuôi các cháu. Nay anh D muốn nuôi con, bản thân bà và chị H mong muốn được nuôi cháu Hoàng Thái Bảo, còn để anh D nuôi cháu Hoàng Thái K, trường hợp anh D không nuôi con thì bà thay chị H chăm sóc cả hai cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

Tại đơn của cháu Hoàng Thái B và Hoàng Thái K ngày 04/3/2021 đều thể hiện có nguyện vọng được ở với chị H và bà ngoại.

Người làm chứng bà Lê Thị S (mẹ đẻ anh D) trình bày: Anh D và chị H kết hôn và sinh sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, năm 2013 chị H đã về quê mẹ ở Hưng Yên

sinh sống. Anh D đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Nay chị H có đơn ly hôn anh D, gia đình bà cũng xác định anh D, chị H không còn tình cảm với nhau nữa thì nên ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị H, anh D đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D, chị H sinh sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó tình cảm không hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn, chị Huyền đã về nhà bố mẹ để ở Hưng Yên sinh sống từ lâu. Nay chị H có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh Hoàng Điền D trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh D xác định vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Về con chung anh D đề nghị được nuôi cả hai con chung và đã đón các con về sinh sống với anh. Hiện anh đang làm trang trại chăn nuôi, buôn bán gia cầm, thu nhập trung bình khoảng 20.000.000đ/tháng. Anh D nộp cho HĐXX sao kê tài khoản ngân hàng để chứng minh nguồn thu nhập. Anh không yêu cầu chị Huyền phải cấp dưỡng cho con. Anh D cho rằng các con anh đang trong giai đoạn mới lớn cần sự chăm sóc, dạy dỗ của bố hơn, trong khi đó bà Trần Thị M là bà ngoại đã 70 tuổi, không đủ sức để chăm sóc cho cả hai con anh học hành, do vậy anh không nhất trí giao con cho chị H nuôi dưỡng và nhờ bà M chăm sóc trong thời gian chị H ở nước ngoài. Trường hợp chị H về nước và sinh sống ở Việt Nam thì anh đồng ý để chị H nuôi con.

Các con chung là Hoàng Thái B và Hoàng Thái Kh trình bày công khai, tự nguyện tại phiên tòa dưới sự giám hộ của anh Hoàng Điền D như sau: Các cháu đều xác định nếu bố, mẹ không chung sống với nhau nữa thì B và K đều có nguyện vọng được ở với bố Hoàng Điền D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt. Tại đơn đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đã trình bày quan điểm như sau. Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ lâu không quan tâm tới nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh D. Về con chung: Chị H đã ủy quyền cho bà Mẫn nuôi cả hai cháu ngoại từ năm 2019 đến nay. Nay đề nghị Tòa án giao cho chị H nuôi con là Hoàng Thái B, không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận xử cho chị Đào Thị H ly hôn anh Hoàng Điền D; Về con chung: Giao cho anh Hoàng Điền D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Hoàng Thái B và Hoàng Thái K, anh D tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị H sinh sống và làm việc ở Đài Loan (Trung Quốc). Bị đơn anh Hoàng Điền D có hộ khẩu cư trú tại xã C huyện C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H gửi đơn, bản tự khai, giấy ủy quyền...và các tài liệu khác có chứng thực của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc). Anh D ở Việt Nam nhưng Tòa án triệu tập nhiều lần đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và gửi văn bản tố tụng cho bà Lê Thị S để thông báo cho anh D, đến ngày 24/5/2022 anh D mới đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa, chị H, bà M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H vắng mặt và có đơn trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Về người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị M tạm nuôi dưỡng hai con của anh D, chị H nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã đưa bà Trần Thị M tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình xét xử các con chung đã về ở với anh D, do vậy bà M không còn liên quan đến vụ án nên chỉ tham gia tố tụng với tư cách là Người làm chứng theo quy định tại Điều 77 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Hoàng Điền D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2009 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh D thường chơi bời, không chịu làm ăn kinh tế, mặc dù chị đã khuyên nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2013 và đến ngày 17/6/2014 chị Huyền đi nước ngoài lao động cho đến nay. Bản thân anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh D không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đào Thị H ly hôn anh Hoàng Điền D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Đào Thị H và anh Hoàng Điền D có hai con chung là Hoàng Thái B – Sinh ngày 10/01/2010 và Hoàng Thái K – Sinh ngày 22/6/2012, trong quá trình giải quyết vụ án các con chung ở bà ngoại là Trần Thị M ở thôn P, xã S, huyện K, tỉnh Hưng Yên và có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị H. Tại quá trình xét xử các con chung ở cùng anh Dưỡng.

Tại phiên tòa các con chung đều có nguyện vọng được ở với anh D vì hiện nay mẹ các cháu là Đào Thị H không ở Việt Nam, các con chung của anh D, chị Huyền đều không muốn ở với bà ngoại. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đều có nguyện vọng nuôi cả hai con, tuy nhiên hiện nay chị H đang ở nước ngoài nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, chị H có ủy quyền cho bà Trần Thị M nuôi cháu ngoại nhưng anh D là bố đẻ của các cháu không đồng ý. Anh D hiện có công việc, thu nhập ổn định tại Việt Nam và được chứng minh thông qua các tài liệu sao kê của Ngân hàng đã nộp cho Hội đồng xét xử. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho anh Dưỡng trực tiếp nuôi cả hai con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Trường hợp có căn cứ cho rằng anh D không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con thì chị H có quyền làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị H và anh Hoàng Điền D xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Đào Thị H phải chịu án phí dân sự (về Hôn nhân gia đình) sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đào Thị H** ly hôn anh **Hoàng Điền D**

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho anh Hoàng Điền D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hoàng Thái B – Sinh ngày 10/01/2010 và Hoàng Thái K – Sinh ngày 22/6/2012. Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Điền D không yêu cầu chị Đào Thị Huyền phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Đào Thị H thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004624 ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân